

Bạo lực giữa vợ và chồng ở khu vực Bắc Trung Bộ và các yếu tố tác động

Nguyễn Phương Thảo

Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

Tóm tắt: Bạo lực giữa vợ và chồng là một vấn đề nhạy cảm trong mối quan hệ vợ chồng trong gia đình. Dựa vào số liệu điều tra tại 6 phường/xã thuộc hai tỉnh Hà Tĩnh và Nghệ An, bài viết tìm hiểu thực trạng bạo lực giữa vợ và chồng với 3 nội dung: quan niệm về bạo lực giữa vợ và chồng; các hình thức bạo lực giữa vợ và chồng và các yếu tố tác động; cách ứng phó của người vợ khi bị chồng bạo lực. Những phát hiện của nghiên cứu này cho thấy có nhiều điểm trùng hợp với kết quả của các nghiên cứu trước đây: người dân chưa nhận thức đầy đủ về các hành vi bạo lực, đặc biệt là với các hành vi bạo lực tinh thần; phụ nữ là nạn nhân chủ yếu của bạo lực gia đình và phụ nữ có học vấn cao, làm việc trong khu vực nhà nước, ở những gia đình có kinh tế khá và sinh sống ở khu vực thành thị ít có khả năng bị chồng bạo hành hơn so với những phụ nữ có học vấn thấp, làm dịch vụ/tiểu thủ công nghiệp hay nông dân, ở những gia đình nghèo và sinh sống ở khu vực nông thôn và điều đáng lưu ý là phụ nữ có thu nhập cao có xu hướng bị chồng bạo lực nhiều hơn phụ nữ có thu nhập thấp; đa số phụ nữ là nạn nhân của hành vi bạo lực của chồng đều lựa chọn giải pháp “đóng cửa bảo nhau” nhằm cải thiện quan hệ vợ chồng. Phát hiện mới ở nghiên cứu này đó là yếu tố tôn giáo có tác động làm giảm hành vi bạo lực giữa vợ và chồng trong gia đình.

Từ khóa: Bạo lực gia đình; Bạo lực giữa vợ và chồng.

Bạo lực giữa vợ và chồng là một vấn đề nhạy cảm trong mối quan hệ vợ chồng trong gia đình. Nhận thức và cách ứng phó với bạo lực của người dân có thể được coi là thước đo hiệu quả của công tác tuyên truyền về Luật Phòng chống bạo lực gia đình năm 2007 và là kết quả hoạt động của các ban ngành địa phương trong công tác phòng chống bạo lực gia đình. Bài viết tìm hiểu thực trạng bạo lực giữa vợ và chồng trong gia đình với 3 nội dung chủ yếu: quan niệm về bạo lực giữa vợ và chồng; các hình thức bạo lực giữa vợ và chồng và các yếu tố tác động; cách ứng phó của người vợ khi bị chồng bạo lực. Số liệu thu thập được từ cuộc điều tra của đề tài Mối quan hệ trong các gia đình khu vực Bắc Trung bộ được Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới thực hiện vào tháng 11 năm 2013, tại 6 phường/xã thuộc hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh (phường Lê Mao thuộc thành phố Vinh, xã Quỳnh Thanh và Quỳnh Yên thuộc huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; phường Đại Nài thuộc thành phố Hà Tĩnh, xã Tùng Ảnh và xã Đức Lạng thuộc huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh), với mẫu khảo sát định lượng gồm 605 người (119 nam và 486 nữ).

1. Quan niệm về bạo lực giữa vợ và chồng

Nhằm đánh giá nhận thức của người dân về vấn đề bạo lực giữa vợ và chồng trong gia đình, cuộc điều tra tại Bắc Trung bộ đề cập tới 8 hành vi bạo lực với những hành động được mô tả rất chi tiết và cụ thể, đó là các hành vi thuộc 3 hình thức bạo lực tinh thần, thể xác và tình dục.

Nhóm 4 hành vi bạo lực tinh thần, gồm “không quan tâm hoặc đối xử lạnh nhạt, xa lánh vợ/chồng”, “tra hỏi, lục vấn vợ/chồng đi đâu mỗi khi người kia ra ngoài”, “ngăn cản vợ/chồng gặp gỡ bạn bè” và “gây chuyện/chì chiết nếu vợ/chồng nói chuyện với người khác”, đạt tỷ lệ thấp nhất, chỉ khoảng hơn 1/4 số người trả lời xem đó là hành vi bạo lực, với các tỷ lệ lần lượt là 24,6%, 25,6%, 28,1% và 28,4% (Bảng 1). Nhóm đứng vị trí thứ hai, đạt tỷ lệ trên dưới 60% số người được hỏi công nhận đó là hành vi bạo lực, với 2 hành vi bạo lực tinh thần “sỉ nhục hay lăng mạ vợ/chồng”, “đe dọa, dọa nạt vợ/chồng bằng bất cứ cách nào” và hành vi bạo lực tình dục “dùng vũ lực cưỡng ép vợ/chồng phải quan hệ chăn gối khi người kia từ chối”, chiếm các tỷ lệ tương ứng 58%, 66,3% và 65,6%. Hành vi bạo lực thể xác “Tát, đánh, đấm, đá, xô đẩy, bóp cổ, kéo tóc, ném các đồ vật vào vợ/chồng” có tỷ lệ người nhận biết cao nhất, với 85,6%. Đáng lưu ý là có từ 17% đến 25% số người trả lời cho biết 4 hành vi “ngăn cản vợ/chồng gặp gỡ bạn bè”, “không quan tâm hoặc đối xử lạnh nhạt, xa lánh vợ/chồng”, “tra hỏi, lục vấn vợ/chồng đi đâu mỗi khi người kia ra ngoài” và “gây chuyện/chì chiết nếu vợ/chồng nói chuyện với người khác”

Bảng 1. Hành vi được xem là bạo lực gia đình theo đặc điểm cá nhân và gia đình (%)

Đặc điểm	Hành vi (tỷ lệ %)							
	Sỉ nhục/lãng mạ	Đe dọa/nạt	Tát/đánh	Cưỡng ép QHTD	Ngăn cấm gặp bạn bè	Tra hỏi khi đi ra ngoài	Không quan tâm/lanh nhạt	Gây chuyên nếu nói chuyện với người khác
Giới tính								
Chung (N=605)	58,0	66,3	85,6	65,6	28,1	25,6	24,6	28,4
Nam	72,3	81,5	91,6	82,4	35,3	30,3	30,3	31,9
Nữ	54,5	62,6	84,2	61,5	26,3	24,5	23,3	27,6
Học vấn								
Tiểu học	58,5	73,2	82,9	54,9	34,1	32,9	24,4	34,1
Trung học cơ sở	53,4	65,0	82,5	63,7	29,5	24,8	23,5	25,2
Trung học PT	60,5	63,2	87,3	67,3	24,1	23,2	22,5	28,2
Cao đẳng, đại học	64,7	72,1	94,1	79,4	29,4	27,9	26,5	33,8
Nghề nghiệp								
Ăn lương	74,4	73,2	96,3	86,6	29,3	28,0	24,4	36,6
Dịch vụ, TTCN	55,2	67,2	88,0	67,2	26,4	24,0	23,2	23,2
Nông dân	53,9	63,5	82,0	60,3	28,4	25,7	24,9	29,2
Không làm việc	79,2	79,2	91,7	66,7	29,2	25,0	29,2	16,7
Tôn giáo								
Không tôn giáo	57,1	64,6	85,7	65,9	24,6	23,7	24,2	26,2
Thiên chúa giáo	60,7	71,3	85,3	64,7	38,7	31,3	26,0	35,3
Mức sống								
Khá	63,9	72,3	90,4	72,3	26,5	28,9	32,5	32,5
Trung bình	58,5	65,3	86,8	67,1	28,4	25,2	25,1	27,1
Dưới trung bình	52,8	65,4	78,7	56,7	28,3	24,4	18,1	29,9

là hành vi bạo lực chỉ khi xảy ra thường xuyên hoặc gây hậu quả nghiêm trọng.

Nhận thức của mỗi người thường có mối liên quan chặt chẽ với những yếu tố cá nhân và gia đình, như giới tính, trình độ học vấn, nghề nghiệp, địa bàn cư trú, mức sống gia đình, v.v.

Xem xét nhận thức về bạo lực giữa vợ và chồng theo giới tính của người trả lời có thể thấy người chồng có hiểu biết tốt hơn người vợ ở tất cả các hành vi bạo lực được liệt kê trong bảng hỏi. Ba hành vi có tỷ lệ khác biệt lớn nhất, trên dưới 20%, gồm “dùng vũ lực cưỡng ép vợ/chồng phải quan hệ chăn gối khi người kia từ chối”, “đe dọa, dọa nạt vợ/chồng bằng bất cứ

cách nào” và “sỉ nhục hay lăng mạ vợ/chồng”, với các tỷ lệ tương ứng là 82,4%, 81,5%, 72,3% ở nam giới, so với 61,5%, 62,6, 54,5% ở nữ giới (Bảng 1).

Yếu tố học vấn không cho thấy có mối liên hệ rõ ràng với nhận thức của người trả lời. Yếu tố này chỉ gợi ra xu hướng có ảnh hưởng tích cực tới cách hiểu của người dân ở 2 hành vi bạo lực là “tát, đánh, đấm, đá, xô đẩy, bóp cổ, kéo tóc, ném các đồ vật vào vợ/chồng” và “dùng vũ lực cưỡng ép vợ/chồng phải quan hệ chăn gối khi người kia từ chối”, đạt các tỷ lệ là 82,9% và 54,9% ở nhóm có trình độ học vấn tiểu học; 82,5% và 63,7% ở nhóm trung học cơ sở; 87,3% và 67,3% ở nhóm trung học phổ thông; 94,1% và 79,4% với nhóm cao đẳng, đại học (Bảng 1).

So sánh giữa các nhóm nghề nghiệp khác nhau có thể cho rằng nhóm những người làm việc trong khu vực nhà nước có kiến thức tốt nhất về hành vi bạo lực gia đình, tiếp đến là nhóm những người không làm việc và cuối cùng là 2 nhóm dịch vụ/tiểu thủ công nghiệp (TTCN) và nhóm nông dân. Sự khác biệt đáng kể nhất được thể hiện ở 3 hành vi “tát, đánh, đấm, đá, xô đẩy, bóp cổ, kéo tóc, ném các đồ vật vào vợ/chồng”, “sỉ nhục hay lăng mạ vợ/chồng” và “dùng vũ lực cưỡng ép vợ/chồng phải quan hệ chăn gối khi người kia từ chối” với các tỷ lệ lần lượt là 96,3% 74,4% và 86,6% ở nhóm người ăn lương; 91,7%, 79,2% và 66,7% ở nhóm không làm việc; 88%, 55,2% và 67,2% ở nhóm dịch vụ/TTCN; 82%, 53,9% và 60,3% ở nhóm nông dân (Bảng 1).

Những người theo Thiên chúa giáo dường như có nhận thức về bạo lực gia đình đầy đủ hơn những người không theo tôn giáo, với 6/8 hành vi người theo Thiên chúa giáo đạt tỷ lệ cao hơn người không theo tôn giáo. Khoảng cách về tỷ lệ này được thấy rõ nhất ở 3 hành vi bạo lực tinh thần “ngăn cản vợ/chồng gặp gỡ bạn bè”, “gây chuyện/chì chiết nếu vợ/chồng nói chuyện với người khác” và “tra hỏi, lục vấn vợ/chồng đi đâu mỗi khi người kia ra ngoài”, với các tỷ lệ tương ứng là 38,7%, 35,3%, 31,3% ở người theo Thiên chúa giáo, so với 24,6%, 26,2%, 23,7% ở người không theo tôn giáo (Bảng 1).

Vợ chồng ở gia đình có mức sống khá có xu hướng có hiểu biết tốt hơn vợ chồng ở gia đình có mức sống trung bình và dưới trung bình (7/8 hành vi). Tỷ lệ khác biệt được thể hiện rõ nhất ở 3 hành vi, gồm hành vi bạo lực thể xác “tát, đánh, đấm, đá, xô đẩy, bóp cổ, kéo tóc, ném các đồ vật vào vợ/chồng”, hành vi bạo lực tinh thần “không quan tâm hoặc đối xử lạnh nhạt, xa lánh vợ/chồng” và hành vi bạo lực tình dục “dùng vũ lực cưỡng

ép vợ/chồng phải quan hệ chăn gối khi người kia từ chối”, với các tỷ lệ tương ứng là 90,4%, 32,5% và 72,3% ở gia đình có mức sống khá; 86,8%, 25,1% và 67,1% ở gia đình có mức sống trung bình; 78,7%, 18,1% và 56,7% ở gia đình có mức sống dưới trung bình (Bảng 1).

Có thể nhận xét rằng người dân tại địa bàn khảo sát chưa có nhận thức đúng và đủ về các hành vi bạo lực giữa vợ và chồng, đặc biệt là với các hành vi bạo lực tinh thần. Xét theo đặc điểm cá nhân và gia đình có thể thấy những người nam giới, theo Thiên chúa giáo, làm việc trong khu vực nhà nước và có mức sống khá có xu hướng có hiểu biết tốt hơn những người là nữ giới, không theo tôn giáo, làm dịch vụ/TTCN và nông dân, có mức sống trung bình hoặc dưới trung bình về các hành vi bạo lực giữa vợ và chồng trong gia đình. Độ tuổi, khu vực sinh sống không cho thấy mối liên hệ có ý nghĩa với nhận thức của người trả lời về các hành vi bạo lực gia đình.

Cách hiểu của người dân về hành vi bạo lực được thấy rõ hơn qua các trích dẫn dưới đây từ các phỏng vấn sâu:

“Không quan tâm, xa lánh nói là bạo lực thì hơi nặng, theo tôi nghĩ chồng không quan tâm xa lánh vợ thì không đúng với vai trò, trách nhiệm của một người chồng” (PVS nam, 51 tuổi, nông nghiệp).

“Lấy nhau phải tin tưởng nhau, như lên phường họp phụ nữ, đi khám phụ khoa, hay đi chơi nhà em gái cũng tra hỏi đi đâu. Chị không chấp nhận cái chuyện tra hỏi thế. Chị nghĩ đó là bạo lực” (PVS nữ, 41 tuổi, kinh doanh).

2. Các hình thức bạo lực giữa vợ và chồng và các yếu tố tác động

Cuộc điều tra tại Bắc Trung bộ đã phỏng vấn người trả lời về hành vi bạo lực của người trả lời đối với vợ/chồng và đồng thời cũng hỏi về hành vi bạo lực của vợ/chồng người trả lời đối với họ.

So sánh giữa vợ và chồng có thể thấy tỷ lệ người vợ đã từng là nạn nhân của bạo lực gia đình trong cuộc đời nhiều hơn người chồng, với 6/8 hành vi và tỷ lệ người chồng là nạn nhân nhiều hơn người vợ là 2/8 hành vi. Nhưng trong số 6 hành vi mà người vợ có tỷ lệ cao hơn người chồng thì chỉ có 3 hành vi đe dọa/dọa nạt, sỉ nhục/lãng mạ và tát/đánh có một tỷ lệ khác biệt tương đối lớn, từ khoảng 13% tới 17%, với các tỷ lệ tương ứng là 20,5%, 18,5%, 14,0% ở người vợ và 3,1%, 5,1%, 0,7% ở người chồng. 3/8 hành vi bạo lực còn lại mà người vợ có tỷ lệ cao hơn cũng như 2/8 hành vi mà người chồng có tỷ lệ cao hơn đều có một sự chênh lệch rất không đáng kể, trong đó bao gồm cả hành vi bạo lực tình dục (Bảng 2).

Bảng 2. Bạo lực đã từng xảy ra giữa vợ và chồng

Hành vi bạo lực	Chồng với Vợ		Vợ với Chồng	
	%	N	%	N
1. Sĩ nhục hay lăng mạ vợ/chồng	18,5	605	5,1	605
2. Đe dọa, dọa nạt vợ/chồng bằng bất cứ cách nào (như quắc mắt, quát mắng, đập phá đồ đạc, dọa sử dụng vũ khí với vợ/chồng)	20,5	605	3,1	605
3. Tát, đánh, đấm, đá, xô đẩy, bóp cổ, kéo tóc, ném các đồ vật vào vợ/chồng	14,0	605	0,7	60
4. Dùng vũ lực cưỡng ép vợ/chồng phải quan hệ chăn gối khi người kia đã từ chối	2,5	605	0,0	605
5. Ngăn cản vợ/chồng gặp gỡ bạn bè	3,8	604	4,6	604
6. Tra hỏi, lục vấn vợ/chồng đi đâu mỗi khi người kia ra ngoài	3,1	605	4,3	605
7. Không quan tâm hoặc đối xử lạnh nhạt, xa lánh với vợ/chồng	8,6	605	4,5	605
8. Gây chuyện/chỉ chiết nếu vợ/chồng nói chuyện với người khác giới	3,5	605	2,7	605

Bài viết sẽ chỉ tìm hiểu sâu hơn về hành vi bạo lực của người chồng đối với vợ do số lượng hành vi bạo lực đã từng xảy ra trong cuộc sống của người vợ đối với chồng trong mẫu điều tra là quá nhỏ, chỉ từ 0 đến 5,1% (Bảng 2). Tuy nhiên, phân tiếp theo cũng chỉ phân tích tác động của các yếu tố cá nhân và gia đình từ phía nạn nhân tới 3 hành vi bạo lực của chồng là sỉ nhục/lăng mạ, đe dọa/dọa nạt và tát/đánh vì 5/8 hành vi bạo lực khác của chồng đối với vợ chiếm một tỷ lệ rất thấp (từ 2,5% đến 8,6%) (Bảng 2).

Về trình độ học vấn, những người phụ nữ có học vấn cao đẳng và đại học ít phải chịu những hành vi bạo lực của chồng hơn so với những phụ nữ có học vấn thấp hơn, tỷ lệ khác biệt nhiều nhất là với những phụ nữ học vấn tiểu học. Điều này diễn ra với cả 3 hành vi, sỉ nhục/lăng mạ, đe dọa/dọa nạt và tát/đánh, ví dụ có 9,4% người vợ có trình độ cao đẳng, đại học bị chồng sỉ nhục/lăng mạ, trong khi đó tỷ lệ này ở người vợ học vấn tiểu học là 23,2%. Tình trạng tương tự cũng diễn ra như vậy với 2 hành vi còn lại là đe dọa/dọa nạt và tát/đánh vợ, tuy với sự chênh lệch về tỷ lệ thấp hơn. Nhưng điều đáng lưu ý là với 2 hành vi đe dọa/dọa nạt và tát/đánh, số phụ nữ có trình độ trung học phổ thông và trung học cơ sở là nạn nhân lại nhiều hơn số phụ nữ có học vấn tiểu học. Cụ thể, tỷ lệ phụ nữ bị đe

dọa/dọa nạt chiếm 20,5% và 24,4% ở những phụ nữ trung học phổ thông và trung học cơ sở, nhưng tỷ lệ này chỉ là 15,9% ở những người phụ nữ tiểu học (Bảng 3).

Những người phụ nữ ở các độ tuổi khác nhau cũng cho thấy những khác biệt về tỷ lệ bị chồng bạo hành. Phụ nữ ở nhóm tuổi 46 trở lên ít bị chồng sỉ nhục/lãng mạ nhưng lại bị đe dọa/dọa nạt và tát/đánh nhiều hơn phụ nữ ở hai nhóm tuổi 23-35 và 36-45. Có 22,2% phụ nữ 46 tuổi trở lên bị sỉ nhục/lãng mạ, tỷ lệ này là 15,9% ở nhóm tuổi 23-35. Có 14,8% phụ nữ 46 tuổi trở lên bị đe dọa/dọa nạt, tương ứng với 22,0% ở nhóm tuổi 23-35 (Bảng 3).

Trong những gia đình theo Thiên chúa giáo tỷ lệ người vợ bị chồng đe dọa/dọa nạt và tát/đánh thấp hơn những gia đình không theo tôn giáo, các tỷ lệ lần lượt là 14,6% và 7,9% ở những gia đình theo tôn giáo, so với tỷ lệ 22,6% và 16,2% ở những gia đình không theo tôn giáo (Bảng 3).

Những người vợ làm việc trong khu vực nhà nước ít phải hứng chịu những hành vi bạo lực của chồng hơn so với những phụ nữ làm các nghề nghiệp khác ở cả 3 loại hành vi kể trên. Có 3,8% phụ nữ làm trong khu vực nhà nước bị chồng sỉ nhục/lãng mạ, tỷ lệ tương ứng ở phụ nữ làm dịch vụ/TTCN, nông dân và không làm việc là 19,7%, 21% và 24%. Tình trạng cũng tương tự như vậy với 2 hành vi đe dọa/dọa nạt và tát/đánh. Nhưng khi so sánh giữa 3 nhóm phụ nữ làm dịch vụ/TTCN, nông dân và không làm việc thì không cho thấy một mối liên hệ có ý nghĩa với tỷ lệ nạn nhân của bạo lực gia đình.

Người vợ có thu nhập cao không hẳn đã có lợi thế trong quan hệ với chồng so với những người vợ có thu nhập trung bình và thấp. Bằng chứng là có 20% người vợ có thu nhập cao bị người chồng đe dọa/dọa nạt, tỷ lệ này ở người vợ có thu nhập trung bình là 15,1% và có 12,7% người vợ có thu nhập cao bị tát/đánh, tỷ lệ tương ứng ở người vợ thu nhập trung bình là 9,1% (Bảng 3).

Phụ nữ sinh sống ở vùng nông thôn là nạn nhân của hành vi bạo lực gia đình nhiều hơn phụ nữ sinh sống ở khu vực thành thị. Với cả 3 hành vi bạo lực nêu trên thì tỷ lệ phụ nữ ở khu vực thành thị bị chồng bạo lực đều thấp hơn phụ nữ ở khu vực nông thôn. Tỷ lệ phụ nữ thành thị bị sỉ nhục/lãng mạ, đe dọa/dọa nạt và tát/đánh lần lượt là 13,5%, 16,9%, 11,1% so với các tỷ lệ 21,1%, 22,4%, 15,6% ở phụ nữ nông thôn (Bảng 3).

Mức sống gia đình tác động mạnh tới hành vi bạo lực giữa vợ và chồng, tỷ lệ phụ nữ ở những gia đình kinh tế khá phải hứng chịu hành vi bạo lực

Bảng 3. Hành vi bạo lực theo đặc điểm cá nhân và gia đình của người vợ

	Sĩ nhục/lãng mạ		Đe dọa/đọa nạt		Tát, đánh	
	%	N	%	N	%	N
Đặc điểm cá nhân						
Học vấn vợ						
<i>Chung</i>	<i>18,6</i>	<i>602</i>	<i>20,6</i>	<i>602</i>	<i>14,1</i>	<i>602</i>
Tiểu học	23,2	82	15,9	82	11,0	82
Trung học cơ sở	22,0	246	24,4	246	16,3	246
Trung học phổ thông	15,7	210	20,5	210	14,3	210
Cao đẳng, đại học trở lên	9,4	64	12,5	64	9,4	64
Nhóm tuổi vợ						
<i>Chung</i>	<i>18,6</i>	<i>601</i>	<i>20,5</i>	<i>601</i>	<i>14,1</i>	<i>601</i>
23-35	15,9	164	22,0	164	14,0	164
36-45	18,5	302	22,2	302	14,9	302
46 tuổi trở lên	22,2	135	14,8	135	12,6	135
Tôn giáo vợ						
<i>Chung</i>	<i>18,6</i>	<i>603</i>	<i>20,6</i>	<i>603</i>	<i>14,1</i>	<i>603</i>
Không theo đạo	18,1	452	22,6	452	16,2	452
Theo đạo Thiên chúa	19,9	151	14,6	151	7,9	151
Nghề nghiệp vợ						
<i>Chung</i>	<i>18,6</i>	<i>602</i>	<i>20,6</i>	<i>602</i>	<i>14,1</i>	<i>602</i>
Ăn lương	3,8	78	7,7	78	6,4	78
Dịch vụ và TTCN	19,7	122	23,8	122	17,2	122
Nông dân	21,0	377	22,0	377	14,9	377
Không làm việc	24,0	25	24,0	25	12,0	25
Thu nhập vợ						
<i>Chung</i>	<i>16,0</i>	<i>426</i>	<i>17,1</i>	<i>426</i>	<i>12,0</i>	<i>426</i>
Thấp	17,1	152	19,1	152	15,8	152
Trung bình	15,5	219	15,1	219	9,1	219
Cao	14,5	55	20,0	55	12,7	55
Đặc điểm gia đình						
<i>Chung</i>	<i>18,5</i>	<i>605</i>	<i>20,5</i>	<i>605</i>	<i>14,0</i>	<i>605</i>
Mức sống						
Khá	13,3	83	9,6	83	13,3	83
Trung bình	18,0	395	19,5	395	12,2	395
Dưới Trung bình	23,6	127	30,7	127	20,5	127
Khu vực sống						
Đô thị	13,5	207	16,9	207	11,1	207
Nông thôn	21,1	398	22,4	398	15,6	398

của chồng ở cả 3 hình thức sỉ nhục/lãng mạ, đe dọa/dọa nạt và tát/đánh đều thấp hơn phụ nữ ở những gia đình nghèo. Đáng chú ý nhất là sự khác biệt về tỷ lệ ở hành vi đe dọa/dọa nạt, có 9,6% phụ nữ gia đình kinh tế khá là nạn nhân của hành vi bạo lực này của chồng, trong khi đó tỷ lệ tương ứng ở phụ nữ kinh tế nghèo là 30,6%. Tình trạng cũng tương tự như vậy với các hành vi sỉ nhục/lãng mạ và tát/đánh, tuy với khoảng cách về tỷ lệ thấp hơn (Bảng 3).

Kết quả điều tra tại khu vực Bắc Trung bộ cho thấy phụ nữ là nạn nhân chủ yếu của bạo lực gia đình. Tuy nhiên, trong số 8 hành vi được nêu trong bảng hỏi thì người phụ nữ ở đây bị bạo hành nhiều nhất bởi 3 hành vi, đó là sỉ nhục/lãng mạ, đe dọa/dọa nạt và tát/đánh. Các đặc điểm cá nhân và gia đình của người vợ cũng có những ảnh hưởng đáng kể tới hành vi bạo lực của người chồng. Có thể thấy người vợ có học vấn cao đẳng/đại học, theo Thiên chúa giáo, làm việc trong khu vực nhà nước, ở những gia đình có kinh tế khá, sinh sống ở khu vực thành thị có khả năng ít bị chồng bạo hành hơn so với những người vợ học vấn thấp, không theo tôn giáo, làm dịch vụ/TTCN hay nông dân, ở những gia đình nghèo và sinh sống ở khu vực nông thôn. Phụ nữ có thu nhập cao có nguy cơ bị chồng bạo hành nhiều hơn phụ nữ có thu nhập trung bình. Các thông tin thu được từ các phỏng vấn sâu sẽ giải thích rõ hơn về những nhận xét từ những phân tích định lượng trên đây.

- Về mối liên quan giữa thu nhập của người phụ nữ và cách ứng xử của họ với chồng: *“Nếu như em không làm được ra tiền thì em còn hay gắt gỏng chồng em, còn nếu như em làm ra tiền bằng chồng em hoặc nhiều tiền hơn chồng em thì em lại càng phải chiều chồng em hơn, càng phải ngọt nhạt với chồng hơn”* (PVS nữ, 37 tuổi, tiểu thương).

- Các gia đình kinh tế khá ít có bạo hành hơn các gia đình nghèo: *“Gia đình trẻ nếu như kinh tế vững vàng thì không nói nhưng mà kinh tế nó khó khăn thì nhiều lúc con ốm đau rồi bố mẹ uống rượu này nọ thì mâu thuẫn hơn, còn những cái tuổi trung trung thì con cái nó thành đạt rồi thì vợ chồng hiểu nhau, nhiều lúc người đàn bà biết nhường nhịn một tý thì nó cũng ít chuyện hơn”* (PVS nữ, 37 tuổi, tiểu thương).

- Những gia đình theo tôn giáo thường ít có hiện tượng bạo hành vợ hơn những gia đình không theo tôn giáo: *“Một năm là có 2 đợt (học giáo lý) của nhà thờ dành cho các đôi trước khi kết hôn, học xong khóa học này thì mới ra ủy ban xin phép và tổ chức kết hôn. Học 1 tháng 2 tháng trước khi kết hôn. Tuần học 3 ngày. Đây là cũng ôn lại thôi còn từ nhỏ học giáo*

lý là họ cũng biết rồi, rồi đến bao nhiêu tuổi là phải học giáo lý hôn nhân và gia đình rồi” (PVS nam, 35 tuổi, cán bộ xã).

3. Cách ứng phó của người vợ khi bị chồng bạo lực

Tính chung với cả 8 hành vi bạo lực của chồng, hình thức phản ứng được người vợ lựa chọn nhiều nhất là *không làm gì cả*, chiếm 62%. Tiếp đến là hình thức phản ứng *chủ động nói chuyện với chồng*, với 28,6%. Rất ít phụ nữ khi bị bạo lực gia đình trông cậy vào sự trợ giúp của người thân, bạn bè, cụ thể chỉ có 5,7% nạn nhân nhờ họ hàng giúp đỡ và 4,7% nhờ bạn bè/hàng xóm giúp đỡ. Tỷ lệ phụ nữ tìm đến sự can thiệp của các tổ chức chính quyền và đoàn thể rất thấp, chỉ từ 1,0% đến 3,1% (Bảng 4).

Để xác định rõ hơn phản ứng của người vợ với mỗi hành vi bạo lực khác nhau của người chồng, cuộc khảo sát đã tìm hiểu các trường hợp bị bạo lực có ảnh hưởng nghiêm trọng nhất đến sự an toàn và cuộc sống của người vợ trong 12 tháng tính đến thời điểm điều tra và trên cơ sở đó phân tích phản ứng của người vợ đối với từng hành vi bạo lực.

Kết quả xử lý số liệu cho biết có cùng một tỷ lệ 29,2% phụ nữ cho rằng hành vi đe dọa/dọa nạt và tát/đánh có ảnh hưởng nghiêm trọng nhất đến sự an toàn và cuộc sống của họ trong 12 tháng tính đến thời điểm điều tra. Tương tự như vậy, có 24,5% phụ nữ xem hành vi sỉ nhục/lãng mạ và 8,3%

Bảng 4. Cách phản ứng của người vợ theo hành vi bạo lực của chồng

Cách phản ứng	Hành vi bạo lực của chồng			
	Sỉ nhục/ lãng mạ	Đe dọa, dọa nạt	Tát, đánh,	Chung (8 hành vi)
N	47	56	56	192
1. Không làm gì cả	55,3	82,1	58,9	62,0
2. Trả đũa y như người vợ/chồng đã làm	8,5	7,1	1,8	5,7
3. Chủ động nói chuyện với vợ/chồng	34,0	10,7	30,4	28,6
4. Nhờ họ hàng giúp đỡ	4,3	,0	10,7	5,7
5. Nhờ bạn bè/hàng xóm giúp đỡ	6,4	,0	5,4	4,7
6. Nhờ Hội phụ nữ giúp đỡ	,0	,0	3,6	1,0
7. Nhờ Ban/Tổ hòa giải giúp đỡ	2,1	,0	7,1	2,6
8. Nhờ chính quyền địa phương giúp đỡ	,0	,0	7,1	3,1
9. Nhờ các tổ chức/cá nhân khác	4,3	,0	7,1	3,1

phụ nữ đánh giá hành vi không quan tâm/ đối xử lạnh nhạt là có ảnh hưởng nghiêm trọng nhất đến sự an toàn và cuộc sống của người vợ trong 12 tháng qua. Bốn hành vi bạo lực khác của người chồng đối với người vợ như cưỡng ép QHTD, gây chuyện/chỉ chiết nếu vợ nói chuyện với người khác giới, ngăn cản gặp gỡ bạn bè và tra hỏi/lục vấn khi vợ ra ngoài chỉ chiếm một tỷ lệ rất thấp phụ nữ cho là đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự an toàn và cuộc sống của họ, tỷ lệ dao động từ 1,6% đến 2,6% (Bảng 4).

Với từng hành vi bạo lực khác nhau của người chồng người vợ cũng đã có những cách ứng xử riêng nhằm cải thiện quan hệ vợ chồng. Phản ứng không làm gì cả được người vợ áp dụng nhiều nhất trong trường hợp bị chồng đe dọa/dọa nạt, chiếm 82,1%. Tiếp theo, có 58,9% phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình với hành vi tát/đánh và 55,3% bị sỉ nhục/lãng mạ lựa chọn biện pháp không làm gì cả. Trái lại, khi bị chồng đe dọa/dọa nạt tỷ lệ người vợ tìm đến phương án chủ động nói chuyện với chồng thấp hơn nhiều so với khi bị sỉ nhục/lãng mạ và tát/đánh từ phía người chồng, với các tỷ lệ tương ứng là 10,7% so với 34% và 30,4%. Giải quyết bạo lực gia đình bằng cách trả đũa y như người chồng đã làm là lựa chọn của 8,5% người vợ bị sỉ nhục/lãng mạ, 7,1% người vợ bị đe dọa/dọa nạt và 1,8% người vợ bị tát/đánh (Bảng 4).

Điều đáng lưu ý nhất trong cách giải quyết bạo lực gia đình của người vợ được thể hiện trong việc có hay không tìm kiếm sự trợ giúp từ các cá nhân và tổ chức khác nhau. Kết quả điều tra cho thấy không có người vợ nào khi bị chồng đe dọa/dọa nạt lại nhờ đến sự giúp đỡ của người thân, bạn bè hoặc tổ chức chính quyền, đoàn thể. Nhưng khi bị sỉ nhục/lãng mạ thì một số nạn nhân nữ cũng đã phải tìm đến sự hỗ trợ của bạn bè/hàng xóm hay họ hàng và tổ hòa giải, với các tỷ lệ lần lượt là 6,4%, 4,3% và 2,1%. Đặc biệt khi bị chồng tát/đánh thì người phụ nữ không chỉ trông chờ vào sự tác động của các mối quan hệ thân quen mà còn dựa vào sự can thiệp của các tổ chức chính quyền và đoàn thể địa phương, tuy với các tỷ lệ còn rất thấp. Tỷ lệ phụ nữ cần họ hàng và bạn bè/hàng xóm giúp đỡ đạt các tỷ lệ 10,7% và 5,4%. Trong khi đó có 3,6% nạn nhân đề nghị Hội phụ nữ và 7,1% yêu cầu Tổ hòa giải và chính quyền địa phương tháo gỡ mối bất hòa (Bảng 4).

Có thể cho rằng khi là nạn nhân của hành vi bạo lực của chồng đa số phụ nữ lựa chọn giải pháp “đóng cửa bảo nhau” với 2 hình thức phản ứng là không làm gì cả và chủ động nói chuyện với chồng nhằm cải thiện quan hệ vợ chồng. Rất ít phụ nữ tìm kiếm sự giúp đỡ của người thân, họ hàng

và bạn bè, hàng xóm và đặc biệt là sự can thiệp của các tổ chức chính quyền và đoàn thể để giải quyết bạo lực gia đình.

Kết luận

Những phát hiện của nghiên cứu tại khu vực Bắc Trung bộ cho thấy có nhiều điểm trùng hợp với kết quả của các nghiên cứu trước đây.

1. Người dân chưa có nhận thức đầy đủ về các hành vi bạo lực giữa vợ và chồng, đặc biệt là với các hành vi bạo lực tinh thần. Trong số 8 hành vi được nêu ra có 4 hành vi chỉ đạt tỷ lệ khoảng trên 1/4 người trả lời có hiểu biết đúng, 3 hành vi có tỷ lệ trên dưới 60% và hành vi bạo lực thể xác có tỷ lệ người nhận biết cao nhất, với 85,6%. Nhận xét này rất trùng khớp với kết quả nghiên cứu của Tổng cục Thống kê, Unicef (2007) và của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2013). Xét theo đặc điểm cá nhân và gia đình có thể thấy những người nam giới, theo Thiên chúa giáo, làm việc trong khu vực nhà nước và có mức sống khá có xu hướng có hiểu biết tốt hơn những người là nữ giới, không theo tôn giáo, làm dịch vụ/TTCN và nông dân, có mức sống trung bình hoặc dưới trung bình về các hành vi bạo lực giữa vợ và chồng trong gia đình.

2. Phụ nữ là nạn nhân chủ yếu của bạo lực gia đình. Người phụ nữ ở khu vực Bắc Trung bộ bị chồng bạo hành nhiều nhất bởi 3 hành vi, đó là sỉ nhục/lãng mạ, đe dọa/dọa nạt và tát/đánh. Về các yếu tố tác động, có thể thấy người vợ có học vấn cao đẳng/đại học, làm việc trong khu vực nhà nước, ở những gia đình có kinh tế khá và sinh sống ở khu vực thành thị ít có khả năng bị chồng bạo hành hơn so với những người vợ có học vấn thấp, làm dịch vụ/TTCN hay nông dân, ở những gia đình nghèo và sinh sống ở khu vực nông thôn. Ngoài ra, phụ nữ có thu nhập cao có xu hướng bị chồng bạo lực nhiều hơn phụ nữ có thu nhập thấp. Những nhận định này rất phù hợp với các kết quả nghiên cứu của Trần Thị Vân Anh, Nguyễn Hữu Minh (2008), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2013), Tổng cục Thống kê (2010), Nguyễn Hữu Minh và Trần Thị Hồng (2011).

Điều phát hiện có thể coi là mới ở nghiên cứu này đó là yếu tố tôn giáo có tác động làm giảm hành vi bạo lực giữa vợ và chồng trong gia đình. Trong những gia đình theo tôn giáo người vợ ít có nguy cơ bị chồng bạo hành hơn so với người vợ trong những gia đình không theo tôn giáo.

3. Đa số phụ nữ là nạn nhân của hành vi bạo lực của chồng đều lựa chọn giải pháp “đóng cửa bảo nhau” với 2 hình thức phản ứng là không làm gì cả và chủ động nói chuyện với chồng nhằm cải thiện quan hệ vợ

chồng. Rất ít phụ nữ tìm kiếm sự giúp đỡ của người thân, họ hàng và bạn bè, hàng xóm và đặc biệt là sự can thiệp của các tổ chức chính quyền và đoàn thể để giải quyết bạo lực gia đình. Kết quả này hoàn toàn tương đồng với các nghiên cứu của Lê Thi (2009), Nguyễn Hữu Minh và Trần Thị Hồng (2011), Tổng cục Thống kê (2010) và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2013).■

Tài liệu trích dẫn

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 2013. *Bạo lực gia đình ở Việt Nam và giải pháp phòng chống*. Nxb. Lao động. Hà Nội.
- Lê Thi. 2009. *Sự tương đồng và khác biệt trong quan niệm về hôn nhân gia đình giữa các thế hệ người Việt Nam hiện nay*. Nxb. Khoa học Xã hội. Hà Nội.
- Nguyễn Hữu Minh và Trần Thị Hồng. 2011. Tình hình bạo lực trong quan hệ giữa vợ và chồng. In trong sách của Bộ Văn hóa, Viện Gia đình và Giới, UNICEF. 2011. *Các mối quan hệ trong gia đình Việt Nam (Một số kết quả phân tích sâu Điều tra gia đình Việt Nam năm 2006)*. Hà Nội.
- Tổng cục Thống kê. 2010. *Im lặng là chết: Kết quả nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình đối với phụ nữ tại Việt Nam*. Hà Nội.
- Tổng cục Thống kê, Unicef. 2007. *Điều tra đánh giá Các mục tiêu trẻ em và phụ nữ 2006*. Nxb. Thống kê. Hà Nội.
- Trần Thị Vân Anh và Nguyễn Hữu Minh (chủ biên). 2008. *Bình đẳng giới ở Việt Nam*. Nxb. Khoa học Xã hội. Hà Nội.